

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 154/QĐ-CDPTTHII ngày 08 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Tên ngành, nghề: **Truyền thông đa phương tiện**

Mã ngành, nghề: **6320106**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh: - **Tốt nghiệp Trung học phổ thông**

- **Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ Trung cấp có giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thời gian đào tạo: **2,5 năm (30 tháng)**

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người học trở thành cử nhân thực hành chuyên ngành truyền thông đa phương tiện có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp; có năng lực phát triển và khả năng tiếp cận kịp thời với sự phát triển của ngành truyền thông; có kiến thức và kỹ năng liên ngành với lĩnh vực báo chí, quan hệ công chúng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức

Trình bày được vị trí, vai trò của truyền thông đa phương tiện trong ngành truyền thông và đặc trưng của hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện, hiệu ứng xã hội và tác động của các sản phẩm truyền thông đa phương tiện đối với công chúng truyền thông;

Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận truyền thông và các bộ phận khác trong cơ quan báo chí, công ty truyền thông, cơ quan, đơn vị có hoạt động truyền thông; mối quan hệ giữa bộ phận truyền thông và các bộ phận liên quan;

Phân tích được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện: thiết kế sản phẩm, sản xuất sản phẩm, phát hành sản phẩm, tương tác với công chúng và các nghiệp vụ khác;

Mô tả được quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc tại bộ phận hoạt động báo chí - truyền thông;

Liệt kê được các công việc cơ bản trong quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý phát hành... trong hoạt động truyền thông đa phương tiện;

Liệt kê được các loại máy móc, trang thiết bị chủ yếu của các bộ phận trong cơ quan báo chí, công ty truyền thông, cơ quan, đơn vị có hoạt động truyền thông và giải thích công dụng của chúng;

Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện để nhận diện được các nguy cơ và có biện pháp phòng ngừa;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định

1.2.2. Về kỹ năng

Xây dựng được các kế hoạch nghiệp vụ như: kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch phân công công việc, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện; làm được các loại mẫu biểu, báo cáo, thông cáo, văn bản đối nội, hợp đồng thông dụng của ngành truyền thông;

Điều hành được các công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả; giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn, phát hiện ra được các nguyên nhân cản trở hoạt động, đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả sản xuất, phát hành;

Ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện; sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị phục vụ sản xuất và phát hành sản phẩm báo chí - truyền thông; có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong công ty, cơ quan, đơn vị;

Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn, kèm cặp kỹ năng nghề cho thực tập sinh và nhân viên mới;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề

1.2.3. Về thái độ

Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong ê-kíp sản xuất, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao;

Có tác phong làm việc năng động, khoa học, sáng tạo; có khả năng xử lý các tình huống, giải quyết những vấn đề thông thường khi trong hoạt động truyền thông;

Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và đối với sản phẩm làm ra;
 Tuân thủ các quy định về pháp luật trong hoạt động báo chí - truyền thông;
 Giao tiếp lịch sự, thân thiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh với đối tác, khách hàng, đồng nghiệp và cấp trên; quan tâm, chăm sóc đối tác, khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;

Có nhận thức đúng đắn và tuân thủ các quy ước đạo đức nghề nghiệp

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Truyền thông đa phương tiện, sinh viên có cơ hội làm việc tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau với các vị trí:

- Phóng viên;
- Biên tập viên tại các báo điện tử, trang thông tin điện tử, công ty truyền thông, nhà xuất bản, hãng phim;
- Tổ chức sản xuất;
- Biên tập viên nội dung tại bộ phận truyền thông của các công ty, doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị;
- Truyền thông;
- Quản trị truyền thông mạng xã hội.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun:	34 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học:	90 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương:	435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:	1.740 giờ
- Khối lượng lý thuyết:	608 giờ
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm:	1.425 giờ
- Kiểm tra:	142 giờ
- Thời gian khóa học:	2,5 năm



3. Nội dung chương trình:

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập, trong đó (giờ)		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	21	435	157	255	23
1090042	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
1090022	Pháp luật	2	30	18	10	2
1090025	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
1080001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
1110090	Tin học	3	75	15	58	2
1090044	Tiếng Anh 1	3	60	21	36	3
1090045	Tiếng Anh 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên môn ngành	69	1740	451	1170	119
II.1	Môn học cơ sở	10	180	92	70	18
1090039	Anh văn 3-BC	2	30	10	18	2
1100078	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	26	4
1100079	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	45	15	26	4
1100080	Cơ sở lý luận báo chí truyền thông	2	30	26	0	4
1100127	Truyền thông giao tiếp chuyên nghiệp	2	30	26	0	4
II.2	Môn học chuyên môn ngành	59	1560	359	1100	101
1100016	Nhập môn truyền thông đa phương tiện	2	30	26	0	4
1100128	Sản xuất sản phẩm truyền hình	4	90	30	52	8
1100129	Sản xuất sản phẩm phát thanh	4	90	30	52	8
1100130	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí truyền thông	3	75	15	56	4
1100131	Sản xuất sản phẩm truyền thông bằng thiết bị di động	3	75	15	56	4
1100132	Báo điện tử	3	75	15	56	4

Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập, trong đó (giờ)		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
1100133	Thiết kế dự án truyền thông đa phương tiện	2	30	26	0	4
1110131	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	3	75	15	54	6
1100134	Truyền thông xã hội	2	45	15	26	4
1100107	Nhiếp ảnh truyền thông	2	45	15	26	4
1100135	Kịch bản truyền thông	3	75	15	56	4
1100136	Văn hóa truyền thông	2	30	26	0	4
1100137	Dẫn chương trình	2	45	15	26	4
1110166	Kỹ xảo hậu kỳ	2	45	15	26	4
1100138	Sáng tạo và thiết kế nội dung truyền thông	2	45	15	26	4
1100008	Tổ chức sự kiện	2	45	15	26	4
1100057	Xử lý khủng hoảng truyền thông	2	30	26	0	4
1100139	Quảng cáo	3	75	15	56	4
1100140	Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	2	45	15	26	4
1100104	Thực tế tại doanh nghiệp	2	90	0	85	5
1100036	Thực tập tốt nghiệp tại trường	4	180	0	175	5
1100037	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng (I) + (II)		90	2175	608	1425	142



4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện (06 môn chung):

- Môn Ngoại ngữ: Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;
- Môn Giáo dục chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;
- Môn Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Pháp luật;
- Môn Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;
- Môn Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 ban hành Chương trình môn học Tin học;
- Môn Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định trong thời khóa biểu học tập hàng năm và có hướng dẫn cụ thể trong chương trình chi tiết của từng môn học.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành cho người học theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

Mã số quản lý môn học được thống nhất trong chương trình đào tạo và trên phần mềm quản lý tín chỉ, cụ thể như sau:

- Phòng Quản lý Đào tạo: 108;
- Khoa Kinh tế truyền thông: 109;

- Khoa Báo chí - Truyền thông: 110;
- Khoa Công nghệ truyền thông: 111.
- Danh sách chuyển đổi môn học giữa các chương trình đào tạo:

STT	Môn học chương trình đào tạo năm 2020	Số TC	Môn thay thế	Số TC
1	Pháp luật và đạo đức báo chí	2	Văn hóa truyền thông	2
2	Ngôn ngữ báo chí	2	Truyền thông giao tiếp chuyên nghiệp	2
3	Kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình	2	Kỹ thuật sản xuất sản phẩm truyền hình	4
4	Kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh	3	Kỹ thuật sản xuất sản phẩm phát thanh	3
5	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	Kỹ năng nghiệp vụ báo chí truyền thông	3
6	Sản xuất báo chí truyền thông bằng thiết bị di động	2	Sản xuất sản phẩm truyền thông bằng thiết bị di động	3
7	Báo điện tử	2	Báo điện tử	3
8	Tổ chức sản xuất báo in	2	Sáng tạo và thiết kế nội dung truyền thông	2
			Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3
9	Đồ họa ứng dụng	3	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	3
10	Truyền thông mạng xã hội	2	Truyền thông xã hội	2
11	Ảnh báo chí	2	Nhiếp ảnh truyền thông	2
12	Tổ chức diễn đàn trên báo điện tử	2	Sáng tạo và thiết kế nội dung truyền thông	2
13	Kỹ xảo truyền hình	2	Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3
			Kỹ xảo hậu kỳ	2
14	Dẫn chương trình PT- TH	2	Dẫn chương trình	2
15	Dàn trang báo điện tử	2	Sáng tạo và thiết kế nội dung truyền thông	2
			Truyền thông tiếp thị tích hợp IMC	3
16	Kịch bản PT-TH	2	Kịch bản truyền thông	3
17	Quảng cáo và Quan hệ công chúng	2	Quảng cáo	3



Handwritten signature or initials.